

Name:

Grammar:

Class: S3...

Reading:

Tel: 034 200 9294

Mini Test:

Ngày GV giao bài: Thứ....., ngày...../.....

Ngày HS nộp bài: Thứ....., ngày...../.....



Unit 6: Dinosaurs - Grammar 1 & Flyers Reading

A. GRAMMAR

1. Quantifiers (both, some, all, any)

- **Quantifiers** là các từ chỉ số lượng của con người, sự vật, hiện tượng.... Các từ chỉ số lượng đứng trước danh từ.

Từ	Nghĩa của từ	Cách dùng		Ví dụ
		Danh từ đếm được	Danh từ không đếm được	
both	cả hai	X		- Both pens are mine.
some	một vài, một chút	X	X	- There are some books. - There is some milk.
all	tất cả	X	X	- All students love English. - All the water here is clean.
any	bất kỳ, một số	X	X	- Do you have any books? - There isn't any water left.

2. Could / Couldn't

Could / Couldn't		
Cách dùng	Chỉ khả năng thực hiện điều gì đó tại một thời điểm trong quá khứ	
(+)	She could the homework on time.	You could win that game.
(-)	He couldn't visit my grandparents.	They couldn't go out yesterday.
(?)	Could she help him with his homework? - Yes, she could . / No, she couldn't .	Could you come there last night? - Yes, I could . / No, I couldn't .

Chú thích: S = subject: chủ ngữ; V = verb infinitives: động từ nguyên thể.

B. EXTRA VOCABULARY

No.	Words	Meanings	No.	Words	Meanings
1	lorry (n)	xe tải	5	arrive (v)	đến nơi
2	furniture (n)	đồ đạc trong nhà	6	lamp (n)	đèn bàn
3	beat (v)	đánh bại	7	out of (prep.phr)	ra khỏi
4	player (n)	người chơi			

* **Note:** n = noun: danh từ; v = verb: động từ; prep.phr = prepositional phrase: cụm giới từ.

* Con học thuộc nghĩa của từ, chính phát âm theo từ điển và chép mỗi từ 1 DÒNG vào vở ghi.

C. HOMEWORK

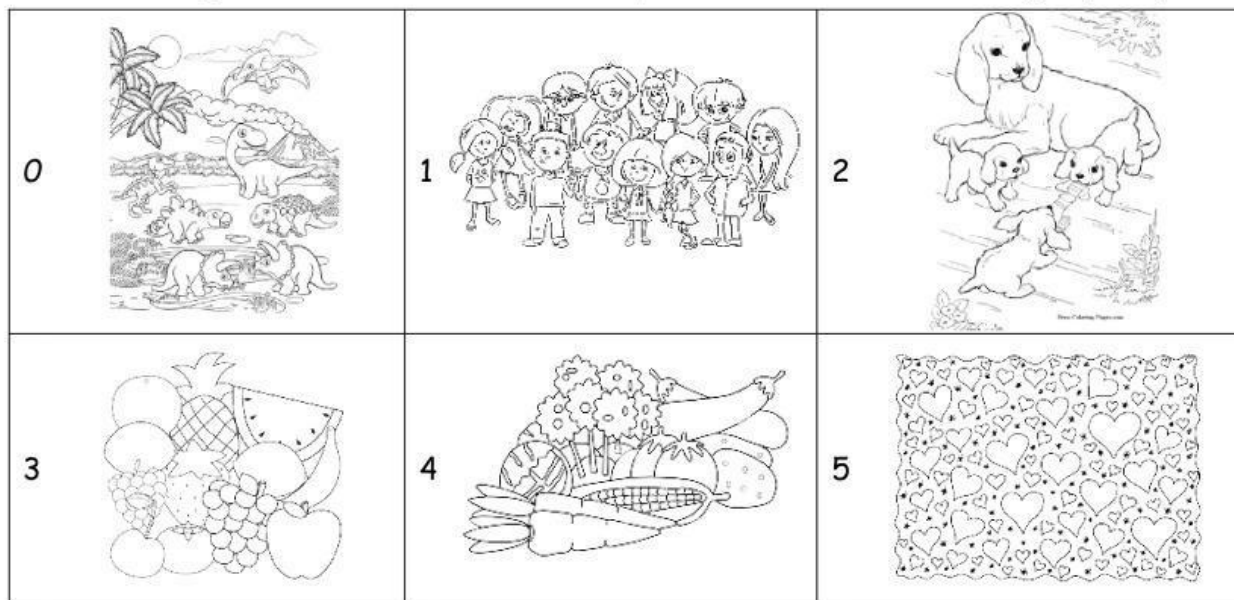
I. Read the statements and circle the correct answers

(Đọc các mệnh đề và khoanh tròn đáp án đúng)

0. Tom was a football player. ⇒ Tom (**could**) / **couldn't** play football.
1. The bike cost \$200. Tim had \$300 yesterday. ⇒ He (**could** / **could not**) buy the bike.
2. Anthony could only eat 5 apples. ⇒ Anthony (**couldn't** / **cannot**) eat 10 apples.
3. There are 5 cats. 5 cats are white. ⇒ (**Some** / **All**) cats are white.

4. The man has two cars. Two cars are for sale. ⇒ **(Many / Both)** of the cars are for sale.
5. France lost to Argentina in the final of the World Cup last month. ⇒ France **(could / couldn't)** win the World Cup last month.

II. Look at the pictures and write True or False (Nhìn các bức tranh và viết Đúng hoặc Sai)



0. All of them are dinosaurs.	<u>True</u>	3. All of them are grapes	_____
1. There are some girls.	_____	4. There are some carrots.	_____
2. There are some cats.	_____	5. There aren't any hearts.	_____

III. Re-order the words in the following sentences. (Sắp xếp lại từ vựng trong các câu sau đây)

0. my homework. / some help / I need / with

⇒ I need some help with my homework.

1. doctors. / Both / parents / my / are

⇒ _____

2. you / Do / any / have / questions?

⇒ _____

3. her car. / fix / couldn't / She

⇒ _____

4. ate / all / She / the cookies / on the plate.

⇒ _____

CAMBRIDGE READING PRACTICE

PART 3.

I. Classwork

Exercise 1: Read and write the correct word next to numbers 1–3

months	city	pictures	stairs	old
drove	heavy	doors	forgotten	

Helen's parents bought a new house a few (0) months ago. In their last week at their old house, the family put all their (1) _____, lamps, and other things into big boxes. Then on their last day in the old house, two men came and took all the (2) _____ things, like the beds, out of the rooms, down the (3) _____, out of the house and into a big lorry outside. Then the family stood for a minute in their old house and said goodbye to it.

After that, they (4) _____ behind the lorry to their new house. It wasn't far because it was in the same (5) _____.

When they arrived, the men opened the (6) _____ of the lorry and Helen's dad walked up to the house. He put his hand in his pocket and said, 'Oh no! I've (7) _____ the key! It's by the window in our (8) _____ house!' Helen laughed. 'You always put your keys there!' 'Yes!' Helen's dad answered, 'but now I must find a new place for them!'

Exercise 2: Answer the following general questions

9. Choose the best name for the story.

- A. Mum and the expensive new lamp
- B. Helen and the new lorry
- C. Dad and the house key

10. What is the main topic of the passage?

- A. A family moving to a new house.
- B. A family's vacation story.
- C. Helen's birthday party.

11. What did the family use to move their furniture?

- A. A car.
- B. A lorry.
- C. A bicycle.

II. Homework: Read and write the correct word next to numbers 4-8

❖ Extra vocabulary

No.	New words	Meanings	No.	New words	Meanings
1			4		
2			5		
3			6		